

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2021/HSST  
Ngày 15/10/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lực.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị Phương Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao C3, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 13/9/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 28/9/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 05/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thanh T sinh năm 1991; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông V và bà M; vợ X và có 02 con lớn nhất 06 tuổi nhỏ nhất 02 tuổi; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021, bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nghiêm Xuân Th sinh năm 1974; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông V và bà N; vợ T và có 03 con lớn nhất 23 tuổi nhỏ nhất 12 tuổi; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021, bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đoàn Đức V sinh năm 1975; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông V (đã chết) và bà N (đã chết); vợ T và có 03 con lớn nhất 20 tuổi nhỏ nhất 12 tuổi; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021, bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Vũ Văn H sinh năm 1987; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp công nhân; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông T và bà Th; vợ con

chưa có; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021, bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Đoàn Văn T1 sinh năm 1996; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đ và bà L; vợ H và có 02 con lớn nhất 04 tuổi nhỏ nhất 01 tuổi; tiền sự không; tiền án không; về nhân thân ngày 19/02/2020 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chấp hành xong quyết định ngày 25/02/2020; bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021, bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Vũ Văn H1 sinh năm 1986; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông H và bà T; vợ N chưa có con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021, bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Vũ Văn P sinh năm 1973; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông V (đã chết) và bà B (đã chết); vợ H và có 02 con lớn nhất 21 tuổi nhỏ nhất 13 tuổi; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Hồng N sinh năm 1980; tại xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; nơi cư trú thôn 1, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp bảo vệ; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 23/9/2021; con ông K và bà T; vợ Q và có 02 con lớn nhất 11 tuổi nhỏ nhất 06 tuổi; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/10/2021.

Người liên quan: Bà Đoàn Thị H2 sinh năm 1958; nơi cư trú xóm 1, thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 30/4/2021 T, H1, P, V, T1, H, Th, N đều đến đám tang ông C3 ở xóm 1, thôn 2, xã K. Khoảng 00 giờ 10 ngày 01/5/2021 T rủ N, T1, Th đánh bạc tất cả đều đồng ý. T mang bộ bài tú lơ khơ đã mua từ trước rồi cùng với N, T1, Th sang nhà ông M (ông M đã chết nên nhà không có ai trông coi) để đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Một lúc sau thì H1, P, V, H lần lượt đến và cùng tham gia đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Đến 01 giờ ngày 01/5/2021 bị tổ công tác của Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang; thu giữ tại chiếu bạc gồm 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và 5.370.000 đồng, thu giữ trên người H1 3.100.000 đồng, thu giữ trên người T 1.100.000 đồng, thu giữ trên người T1 500.000 đồng, thu trên

người H 500.000 đồng, thu trên người N 27.500.000 đồng, thu trên người P 12.500.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P, N sử dụng vào việc đánh “Liêng” là 7.970.000 đồng (gồm tiền thu trên chiếu là 5.370.000 đồng, tiền thu trên người T1 500.000 đồng, tiền thu trên người H1 100.000 đồng, tiền thu trên người H là 500.000 đồng, tiền thu trên người N là 1.000.000 đồng, tiền thu trên người P là 500.000 đồng).

Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 13/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P, N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P, N phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao các bị cáo T và T1 cho UBND xã K giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập H2 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo là 5% để tịch thu quỹ Nhà nước. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Th, V, H, H1, P, N mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tụ lơ khơ 52 quân. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.970.000 đồng. Trả lại cho bị cáo H1 3.000.000 đồng, bị cáo T 1.100.000 đồng, bị cáo P 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P đều khai, có đánh tú lơ khơ với nhau dưới hình thức đánh Liêng được thua với tổng số tiền đã thu giữ là 7.970.000 đồng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị cáo N tại phiên tòa: Bị cáo N có đơn xin xét xử vắng mặt, do tình hình bệnh dịch Covid-19 bị cáo ở Hà Nội không đến phiên tòa được, đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của các bị cáo và vật chứng đã thu giữ, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 00 giờ 10 ngày 01/5/2021 tại nhà ông H1 ở xóm 1, thôn 2, xã K; T, N, T1, Th, H1, P, V, H có hành vi đánh tú lơ khơ với nhau dưới hình thức đánh “Liêng” được thua với tổng số tiền là 7.970.000 đồng.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định về tội Đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nH đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P, N là trái phép, với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh “Liêng” là 7.970.000 đồng, nên hành vi của các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P, N đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo T, Th, V, H, T1, H1, P, N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo T và bị cáo T1 giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, vì T là người khởi xướng và rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bị cáo T1 về nhân thân ngày 19/02/2020 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Các bị cáo Th, V, H, H1, P, N xếp vai trò cuối trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Cả tám bị cáo T, T1, Th, V, H, H1, P, N đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả tám cáo T, T1, Th, V, H, H1, P, N đều “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, đề nghị của Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[6] Từ những tình tiết phân tích nêu trên thấy rằng:

Đối với các bị cáo T và T1 phạm tội ít nghiêm trọng; số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cần; có nơi cư trú rõ ràng; nên xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp với pháp luật; các bị cáo T và T1 đều có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho T và T1. Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo là 12.000.000 đồng. Khấu trừ thu nhập H2 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo là 5%, để tích thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Th, V, H, H1, P, N xếp vai trò cuối cùng trong vụ án, đều có nhân thân tốt; nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp; các bị cáo Th, V, H, H1, P, N đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và tổng số tiền là 50.570.000 đồng (trong đó thu tại chiếu bạc là 5.370.000 đồng, thu giữ trên người H1 3.100.000 đồng, thu giữ trên người T 1.100.000 đồng, thu giữ trên người T1 500.000 đồng, thu trên người H 500.000 đồng, thu trên người N 27.500.000 đồng, thu trên người P 12.500.000 đồng).

- Bộ tú lơ khơ, các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

- Về số tiền thu giữ trên người N là 27.500.000 đồng; kết quả điều tra xác định có 26.500.000 đồng là tiền của bà H2 là mẹ vợ của N đã nhờ N giữ để lo cho tang lễ cho ông C3, N không sử dụng vào việc đánh bạc, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H2 số tiền là 26.500.000 đồng.

- Về số tiền thu giữ trên người H1 3.100.000 đồng, thu giữ trên người T 1.100.000 đồng, thu trên người P 12.500.000 đồng; kết quả điều tra xác định số tiền thu của H1 nH không sử dụng đánh bạc là 3.000.000 đồng, số tiền thu của T nH không sử dụng đánh bạc là 1.100.000 đồng, số tiền thu của P nH không sử dụng đánh bạc là 12.000.000 đồng; nên số tiền các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc trả lại cho các bị cáo.

- Về số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 5.370.000 đồng, thu giữ trên người H1 100.000 đồng, thu giữ trên người T1 500.000 đồng, thu giữ trên người H 500.000 đồng, thu giữ trên người N 1.000.000 đồng, thu giữ trên người P 500.000 đồng, tổng là 7.970.000 đồng, số tiền này các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo T, T1, Th, V, H, H1, P, N đều bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Thanh T, Đoàn Văn T1, Nghiêm Xuân Th, Đoàn Đức V, Vũ Văn H, Vũ Văn H1, Vũ Văn P, Nguyễn Hồng N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Vũ Thanh T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021 tương đương với 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án. Phạt bổ sung 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Đoàn Văn T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/5/2021 tương đương với 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án. Phạt bổ sung 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Khấu trừ thu nhập H2 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo Vũ Thanh T và Đoàn Văn T1 mỗi bị cáo là 5%, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Thanh T và Đoàn Văn T1 cho UBND xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Nghiêm Xuân Th 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

- Đoàn Đức V 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

- Vũ Văn H 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

- Vũ Văn H1 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

- Vũ Văn P 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

- Nguyễn Hồng N 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tụ lơ khơi 52 quân.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.970.000 đồng (trong đó tiền thu tại chiếu bạc là 5.370.000 đồng, thu giữ trên người H1 100.000 đồng, thu giữ trên người T1 500.000 đồng, thu trên người H 500.000 đồng, thu trên người N 1.000.000 đồng, thu trên người P 500.000 đồng).

- Trả lại cho bị cáo H1 3.000.000 đồng, bị cáo T 1.100.000 đồng, bị cáo P 12.000.000 đồng; nH tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Số tiền đang trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, số tài khoản 3949.0.1055132.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Y, theo ủy nhiệm chi ngày 16/9/2021 của Công an huyện Y.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Vũ Thanh T, Đoàn Văn T1, Nghiêm Xuân Th, Đoàn Đức V, Vũ Văn H, Vũ Văn H1, Vũ Văn P, Nguyễn Hồng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo T, T1, Th, V, H, H1, P và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

**Bùi Văn Lực**